TÒA ÁN ND HUYỆN T **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Kim Cảnh và bà Ngô Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N - sinh năm 1990.
Địa chỉ: N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- *Bị đơn:* Anh Hà Văn K - sinh năm 1988.
HKTT: Xóm 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Hiện nay đang chấp hành án tại: Đội X, Phân trại số Y, trại giam Đ (xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận). .

Tại phiên tòa, chị N và anh K đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2023 và các văn bản tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Hà Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12 tháng 3 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 7/2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm trong cuộc sống. Vợ chồng tự hòa giải nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ tháng 7/2012 đến nay. Chị N về ở với bố mẹ đẻ tại N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Anh K không tu chí làm ăn, nhiều lần phạm tội. Hiện nay, anh K đang chấp hành bản án 17 năm tù kể từ năm 2015 tại Đội X, Phân trại số Y, trại giam Đ đóng tên địa bàn xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Lê C, sinh ngày 20/8/2012. Hiện tại, cháu C đang ở với anh Hà Văn Kh là anh ruột của anh Hà Văn K tại số nhà 27, đường số 1, khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do anh K đang chấp hành án trong trại giam không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con được nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, chị N kinh doanh bán hàng online, thu nhập bình quân là 7.000.000đ/ tháng. Chị đang ở nhà bố mẹ đẻ tại N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Chị có đủ điều kiện đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản ghi lời khai và đơn xin vắng mặt ngày 11/5/2023, bị đơn là anh Hà Văn K trình bày và đề nghị: Anh và chị Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị N xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Hà Lê C - sinh ngày 20/8/2012. Hiện nay cháu C đang ở với bác ruột là anh Kh sinh năm 1984, địa chỉ nhà M, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Cháu C được anh Kh chăm sóc tốt. Anh K có nguyện vọng tiếp tục để cháu C cho bác Kh nuôi dưỡng, chăm sóc, do chị N đi lao động ở nước ngoài.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh K đang thi hành án tại Phân trại số Y, trại giam Đ nên anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 55,81,82,83 LHNGĐ: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh K. Về con chung giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Lê C sinh ngày 20/8/2012. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xét. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện xin ly hôn anh K có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, chị N và anh K vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Hà Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2012 ngày 12 tháng 3 năm 2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên va chạm trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Anh K cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh K.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Lê C - sinh ngày 20/8/2012. Cháu C đang ở với anh Hà Văn Kh là anh trai anh K tại số nhà 27, đường số 1, khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Mặc dù, cháu C có nguyện vọng ở với bố nhưng hiện nay anh K đang chấp hành án tù trong trại giam nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C được. Anh K có nguyện vọng giao cháu C cho anh Hà Văn Kh (anh ruột anh K) nuôi dưỡng là không phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình về quyền được nuôi con của cha mẹ khi ly hôn.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của nguyên đơn: Chị N có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định. Hiện nay, chị N đang sinh sống tại nhà mẹ đẻ tại N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Chị N đủ điều kiện đảm bảo việc nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N: Giao cháu C cho chị N trực tiếp chăm sóc, anh K không phải cấp dưỡng nuôi nuôi con chung.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Hà Văn K.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Lê C sinh ngày 20/8/2012. Giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0016908 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
-VKSND. T;
- Chi cục THA. T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu

TÒA ÁN ND HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 22 tháng 6 năm 2023
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Kim Cảnh và bà Ngô Thị Minh

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 49/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N - sinh năm 1990.

Địa chỉ: N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn K - sinh năm 1988.

HKTT: Xóm 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay đang chấp hành án tại: Đội X, Phân trại số Y, trại giam Đ (xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận). .

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về Hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Hà Văn K.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Lê C sinh ngày 20/8/2012. Giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh K sự có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0016908 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị N đã nộp dủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 22 tháng 6 năm 2023

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊTÒA**

Lê Kim Cảnh **Ngô Thị Minh** **Lê Thị Thu**